

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 43

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là một Tổng Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD ngày 13/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103017485 lần đầu ngày 25/5/2007, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441 thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 -.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441 thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 là: 789.072.760.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi chín t, không trăm bảy mươi hai triệ, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt là: CONSTREXIM HOLDINGS

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch: CTX.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Trần Khanh	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Lý Quốc Hùng	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 23/03/2021)
Ông Đỗ Tường Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng giám đốc



Số: 128/2023/BCKTHN-CPA VIETNAM- NV1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được lập ngày 29/03/2023, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.12 của Báo cáo tài chính hợp nhất về việc Tổng Công ty đã ghi nhận chi phí đầu tư xây dựng tầng 1 của các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 thuộc Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa là tài sản của Tổng Công ty dựa theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ("UBND thành phố Hà Nội") ban hành ngày 31/8/2006 và Công văn số 09/BXD-QLN ngày 07/01/2013 của Bộ Xây dựng. Tuy nhiên, theo Công văn số 985/UB-NNĐC do UBND TP Hà Nội ban hành ngày 31/3/2004, Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao tầng 1 của các tòa nhà cao tầng này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định. Tổng Công ty hiện đang làm việc với các cơ quan hữu quan để giải quyết các nội dung này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7.5 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo Biên bản kiểm tra của Cục Thuế thành phố Hà Nội.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

**Vấn đề khác**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty chưa thực hiện theo khoản 2 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán về việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

Đến ngày phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty chưa có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.



---

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

---

**Vũ Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 3011-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>867.602.958.359</b>	<b>871.223.535.864</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>32.737.725.126</b>	<b>54.077.597.736</b>
1. Tiền	111		32.737.725.126	54.077.597.736
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>203.645.251</b>	<b>55.203.645.251</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.549.370.051	2.549.370.051
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.345.724.800)	(2.345.724.800)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	55.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>607.446.443.234</b>	<b>548.484.431.701</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	436.350.104.827	374.178.049.286
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	211.809.417.012	182.500.464.969
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		29.725.819.691	32.202.667.016
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	70.964.484.653	102.136.026.535
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(141.447.656.763)	(142.532.776.105)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		44.273.814	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>183.116.385.780</b>	<b>171.394.047.923</b>
1. Hàng tồn kho	141		183.116.385.780	171.394.047.923
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>44.098.758.968</b>	<b>42.063.813.253</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	907.664.175	642.709.572
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		39.629.916.419	38.045.135.785
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	5.9	3.561.178.374	3.375.967.896
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.453.208.892.135</b>	<b>1.465.607.098.585</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.450.141</b>	<b>6.450.141</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	6.450.141	6.450.141
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>457.450.969.719</b>	<b>487.190.431.354</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	443.374.586.506	472.739.426.385
- Nguyên giá	222		524.561.611.177	528.601.632.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.187.024.671)	(55.862.206.115)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	14.076.383.213	14.451.004.969
- Nguyên giá	228		17.950.000.000	17.950.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.873.616.787)	(3.498.995.031)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>	<b>163.659.625.070</b>	<b>170.338.960.798</b>
1. Nguyên giá	231		195.543.298.841	194.830.461.697
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(31.883.673.771)	(24.491.500.899)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.13</b>	<b>826.891.958.350</b>	<b>799.394.792.117</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		123.059.521.062	104.090.463.072
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		703.832.437.288	695.304.329.045
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>1.639.383.081</b>	<b>1.639.383.081</b>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.012.898.701	12.012.898.701
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.373.515.620)	(10.373.515.620)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.560.505.774</b>	<b>7.037.081.094</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.560.505.774	7.037.081.094
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.320.811.850.494</b>	<b>2.336.830.634.449</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.343.822.537.512</b>	<b>1.354.481.338.855</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.153.203.490.116</b>	<b>1.249.191.810.854</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	298.032.677.016	392.254.906.376
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	226.007.646.220	150.253.222.287
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	2.716.625.502	10.969.000.300
4. Phải trả người lao động	314		4.899.812.640	5.191.919.683
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	243.311.705.872	268.486.130.426
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	5.274.468.522	3.277.286.158
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	155.549.012.874	144.312.600.322
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	214.715.373.633	272.149.154.151
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.696.167.837	2.297.591.151
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>190.619.047.396</b>	<b>105.289.528.001</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16	138.621.206.603	18.328.404.545
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	19.640.423.402	22.818.222.013
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.19	32.357.417.391	64.142.901.443
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>976.989.312.982</b>	<b>982.349.295.594</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>976.989.312.982</b>	<b>982.349.295.594</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		789.072.760.000	789.072.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		789.072.760.000	789.072.760.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		104.636.382	104.636.382
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		174.083.222.731	179.558.097.010
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		182.630.389.041	197.936.269.611
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.547.166.310)	(18.378.172.601)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.728.693.869	13.613.802.202
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.320.811.850.494</b>	<b>2.336.830.634.449</b>

Người lập/Kế toán trưởng

**Đỗ Quốc Việt**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023  
**TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN**



**Hoàng Thị Hương Lan**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	90.888.904.251	152.537.799.616
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		90.888.904.251	152.537.799.616
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	102.470.237.511	114.913.064.381
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(11.581.333.260)	37.624.735.235
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.125.007.864	16.174.693.553
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	1.909.347.780
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.909.347.780
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	2.334.626.208	33.811.514.725
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	19.091.610.288	28.630.922.827
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(31.882.561.892)	(10.552.356.544)
12. Thu nhập khác	31	6.6	33.292.443.306	1.881.316.320
13. Chi phí khác	32	6.6	4.523.115.691	9.730.681.607
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		28.769.327.615	(7.849.365.287)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(3.113.234.277)	(18.401.721.831)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.501.725.240	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(8.614.959.517)	(18.401.721.831)
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(8.547.166.310)	(18.378.172.601)
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(67.793.207)	(23.549.230)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(108,32)	(232,91)

Người lập/Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023  
Trưởng phòng Tài chính - kế toán



Hoàng Thị Hương Lan

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có các Công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ góp vốn %	Tỷ lệ biểu quyết %	Hoạt động chính
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương				
2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại - Dịch vụ Constrexim TS - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội				
<b>Công ty con</b>					
<i>Các Công ty con sản xuất kinh doanh</i>					
Công ty TNHH CTX số 1		100	100	100	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Apas Hospitality (trước đây là Công ty TNHH CTX số 3)		100	100	100	Cung cấp dịch vụ quản lý và cho thuê bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Constrexim		81	81	81	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
<i>Các Công ty con đầu tư dự án</i>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina		99,99	99,99	99,99	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm		95	95	95	Phát triển dự án bất động sản
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu		98	98	98	Phát triển dự án thủy điện
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang		90	90	90	Phát triển dự án bất động sản
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L		100	100	100	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH CTX Số 2		100	100	100	Đầu tư phát triển dự án Bất động sản
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Constrexim Đúc Tân Long		28	28	28	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà		20	20	20	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)		30	30	30	Thi công xây lắp, Tư vấn thiết kế công trình
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô		27	27	27	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu		20	20	20	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)		20	20	20	Thi công xây lắp, Tư vấn thiết kế.
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cấu kiện Constrexim		30	30	30	Thi công xây lắp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**3.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất, hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Tài sản khác	05

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong năm 2021, có 23.733.537.933 đồng (năm 2020: 38.464.754.770 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Các chi phí phải trả khác

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế...

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

**Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, kinh doanh bất động sản, doanh thu khác và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.919.017.530	3.171.502.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.818.707.596	50.906.095.336
<b>Tổng</b>	<b>32.737.725.126</b>	<b>54.077.597.736</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá trị		Dự phòng	Giá trị		Dự phòng
	Giá gốc	hợp lý		Giá gốc	hợp lý	
<b>- Tổng giá trị cổ phiếu</b>						
Trong đó						
<i>Công ty</i>						
<i>Constrexim</i>	862.400.000		(862.400.000)	862.400.000		(862.400.000)
<i>Việt CZ (i)</i>						
<i>Các cổ phiếu khác</i>	1.686.970.051	203.645.251	(1.483.324.800)	1.686.970.051	203.645.251	(1.483.324.800)
<b>Tổng</b>	<b>2.549.370.051</b>		<b>(2.345.724.800)</b>	<b>2.549.370.051</b>		<b>(2.345.724.800)</b>

(i) Cổ phiếu của Công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tổng Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000

(ii) Là các chứng chỉ tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng thương mại, có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 8,15%/năm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**c. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021	01/01/2021
--	------------	------------

	Giá trị ghi sổ	Theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Theo phương pháp vốn chủ sở hữu
c) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	32.933.412.413	-	32.933.412.413	-
Công ty Cổ phần Constrexim Đức Tân Long	18.433.412.413	-	18.433.412.413	-
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	2.700.000.000	-	2.700.000.000	-
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-

Trong giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết có giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty góp vốn vào các Công ty này tại ngày 31/12/2021 với số tiền là 3.932.770.00 VND (tại ngày 31/12/2020 là 3.932.770.000 VND).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****d. Đầu tư vào đơn vị khác**

	31/12/2021		01/01/2021		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị hợp lý
<b>d) Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>12.012.898.701</b>	<b>(*)</b>	<b>(10.373.515.620)</b>	<b>12.012.898.701</b>	<b>(*)</b>	<b>(10.373.515.620)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên	2.765.700.000	(*)	(2.765.700.000)	2.765.700.000	(*)	(2.765.700.000)
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp Cao tầng	1.800.000.000	(*)	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(*)	(1.800.000.000)
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)
Công ty Cổ phần Constrexim số 8	979.383.081	905.454.660	-	979.383.081	979.383.081	-
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	690.000.000	(*)	(690.000.000)	690.000.000	(*)	(690.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	660.000.000	1.138.500.000	-	660.000.000	660.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Constrexim (HOD)	625.000.000	(*)	(625.000.000)	625.000.000	(*)	(625.000.000)
Công ty Cổ phần Constrexim TM	549.950.000	(*)	(549.950.000)	549.950.000	(*)	(549.950.000)
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	500.000.000	(*)	(500.000.000)	500.000.000	(*)	(500.000.000)
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	500.000.000	(*)	(500.000.000)	500.000.000	(*)	(500.000.000)
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	450.000.000	(*)	(450.000.000)	450.000.000	(*)	(450.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim (CIC)	400.000.000	(*)	(400.000.000)	400.000.000	(*)	(400.000.000)
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	320.000.000	(*)	(320.000.000)	320.000.000	(*)	(320.000.000)
Công ty Cổ phần ConstreximHải phòng	272.865.620	(*)	(272.865.620)	272.865.620	(*)	(272.865.620)
<b>Tổng</b>	<b>12.012.898.701</b>		<b>(10.373.515.620)</b>	<b>12.012.898.701</b>		<b>(10.373.515.620)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Trong giá trị ghi số các khoản đầu tư vào các đơn vị khác có giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty góp vốn vào các Công ty này tại ngày 31/12/2021 với số tiền là 6.907.400.000 VND (tại ngày 31/12/2020 là 6.907.400.000 VND).

Thông tin về Tỷ lệ sở hữu vốn và Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết (xem tại Thuyết minh 1.6)

Các giao dịch giữa Tổng Công ty và Công ty con, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.3.

- (\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường. Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.
- (i) Giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại sàn giao dịch HNX và HOSE tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>436.350.104.827</b>	<b>374.178.049.286</b>
Phải thu theo hợp đồng xây lắp liên quan đến hợp đồng thầu phụ có điều kiện (*)	101.391.510.841	112.456.373.435
Phải thu theo các hợp đồng xây lắp khác	141.688.562.614	40.449.561.809
Phải thu do chuyển nhượng bất động sản	145.879.241.575	141.909.075.614
Các đối tượng khác	47.390.789.797	79.363.038.428
<b>Tổng</b>	<b>436.350.104.827</b>	<b>374.178.049.286</b>
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>8.138.601.964</i>	<i>8.138.601.964</i>

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)

(\*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng Công ty chỉ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận tiền thanh toán của các công trình từ chủ đầu tư.

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>211.809.417.012</b>	<b>182.500.464.969</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư PT Constrexim số 16	14.217.553.004	14.217.553.004
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Nhà Việt Nam	4.233.328.209	4.611.475.223
Trả trước hoạt động khác	193.358.535.799	163.671.436.742
<b>Tổng</b>	<b>211.809.417.012</b>	<b>182.500.464.969</b>
<i>Trả trước người bán là các bên liên quan</i>	<i>19.089.938.872</i>	<i>19.089.938.872</i>

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)

**5.5 Các khoản phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	70.964.484.653	(25.981.741.545)	102.136.026.535	(25.981.741.545)
Tạm ứng	41.625.031.361	(25.981.741.545)	70.208.116.736	(25.981.741.545)
Ký cược, ký quỹ	130.000.000	-	130.000.000	-
Phải thu khác	29.209.453.292	-	31.797.909.799	-
Các khoản khác	29.209.453.292	-	31.797.909.799	-
<b>Dài hạn</b>	<b>6.450.141</b>	<b>-</b>	<b>6.450.141</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	3.000.000	-
Các khoản khác	3.450.141	-	3.450.141	-
<b>Tổng</b>	<b>70.970.934.794</b>	<b>(25.981.741.545)</b>	<b>102.142.476.676</b>	<b>(25.981.741.545)</b>

*Phải thu khác là các bên liên quan* 18.195.602.736 - 18.195.602.736 -

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.6 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	142.401.311.475	953.654.712	144.125.565.884	1.592.789.779
Trong đó:				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	86.818.978.048	-	88.543.232.457	639.135.067
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	29.599.570.082	952.632.912	29.599.570.082	952.632.912
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	25.982.763.345	1.021.800	25.982.763.345	1.021.800

Các khoản nợ xấu này đã được Tổng Công ty trích lập dự phòng với số tiền 141,4 tỷ đồng

Tên Công ty	Quá hạn trên 3 năm VND
Công ty CP Constrexim Việt Séc	10.097.942.200
Công ty Xây dựng số 4 - Hà nội - VLCL kiểm tính	17.487.236.514
Các đối tượng khác	114.816.132.761
<b>Tổng</b>	<b>142.401.311.475</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	996.607.056	-	1.065.568.434	-
Công cụ, dụng cụ	1.484.825.349	-	1.541.617.980	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	180.534.941.875	-	168.665.617.701	-
Hàng hoá	100.011.500	-	121.243.808	-
<b>Tổng</b>	<b>183.116.385.780</b>	<b>-</b>	<b>171.394.047.923</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>907.664.175</b>	<b>642.709.572</b>
Chi phí bán hàng trả trước liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao	137.203.088	137.203.088
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	397.282.924	397.282.924
Chi phí ngắn hạn khác	373.178.163	108.223.560
<b>Dài hạn</b>	<b>3.560.505.774</b>	<b>7.037.081.094</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.559.031.913	5.468.979.525
Chi phí trả trước khác	1.001.473.861	1.568.101.569
<b>Tổng</b>	<b>4.468.169.949</b>	<b>7.679.790.666</b>

**5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021 (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
<b>Phải nộp</b>	<b>10.969.000.300</b>	<b>15.257.698.065</b>	<b>23.510.072.863</b>	<b>2.716.625.502</b>
Thuế giá trị gia tăng	536.148.070	3.320.384.921	3.490.160.587	366.372.404
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.183.093	-	3.743.932	1.439.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	4.577.763.203	5.501.725.240	8.574.490.952	1.504.997.491
Thuế thu nhập cá nhân	496.416.524	785.293.611	523.064.601	758.645.534
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.995	2.277.115.887	2.277.115.887	9.995
Các loại thuế khác	680.040.957	3.340.017.795	3.934.897.835	85.160.917
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.673.438.458	33.160.611	4.706.599.069	-
	<b>01/01/2021</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thu trong năm</b>	<b>31/12/2021</b>
<b>Phải thu</b>	<b>3.375.967.896</b>	<b>1.978.627.648</b>	<b>1.793.417.170</b>	<b>3.561.178.374</b>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1.913.935.676	1.097.168.094	57.521.190	2.953.582.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.429.862.908	21.200.240	1.096.964.216	354.098.932
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	32.169.312	859.259.314	637.931.764	253.496.862
Các loại thuế khác	-	1.000.000	1.000.000	-

Tổng Công ty đã căn trừ khoản thuế giá trị gia tăng đã nộp hai lần cho cơ quan thuế trong các năm 2006 và 2007 với cùng một số tiền là 29,6 tỷ đồng với thuế giá trị gia tăng phải trả trong tháng 12 năm 2011. Khoản thuế nộp hai lần này phát sinh do doanh thu bên liên quan đã được coi là doanh thu chịu thuế do đoàn thanh tra khác của Cục thuế Thành phố Hà Nội ký ngày 27/6/2006 và Biên bản thanh tra thuế cho năm 2006 và 5 tháng đầu năm 2007 do một đoàn thanh tra khác của Cục thuế Hà Nội ký ngày 25/10/2007. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế để xử lý vấn đề này.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY  
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2021	461.912.491.018	51.664.852.030	12.512.353.880	1.782.683.976	729.251.596	528.601.632.500	
Tăng trong năm	30.000.000	454.172.727	-	1.017.545.455	-	1.501.718.182	
Mua trong năm	-	454.172.727	-	1.017.545.455	-	1.471.718.182	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000	
Giảm trong năm	(5.541.739.505)	-	-	-	-	(5.541.739.505)	
Giảm khác	(5.541.739.505)	-	-	-	-	(5.541.739.505)	
Số dư tại 31/12/2021	456.400.751.513	52.119.024.757	12.512.353.880	2.800.229.431	729.251.596	524.561.611.177	

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư tại 01/01/2021	42.106.869.340	5.272.374.637	7.142.168.578	611.541.964	729.251.596	55.862.206.115	
Tăng trong năm	20.642.204.969	2.679.168.785	1.806.401.164	197.043.638	-	25.324.818.556	
Khấu hao trong năm	20.642.204.969	2.679.168.785	1.806.401.164	197.043.638	-	25.324.818.556	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 31/12/2021	62.749.074.309	7.951.543.422	8.948.569.742	808.585.602	729.251.596	81.187.024.671	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Số dư tại 01/01/2021	419.805.621.678	46.392.477.393	5.370.185.302	1.171.142.012	-	472.739.426.385	
Số dư tại 31/12/2021	393.651.677.204	44.167.481.335	3.563.784.138	1.991.643.829	-	443.374.586.506	

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 3.452.051.793 đồng (tại ngày 31/12/2020: 3.452.051.793 đồng).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2021	470.000.000	17.280.000.000	200.000.000	17.950.000.000
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>470.000.000</u>	<u>17.280.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	<u>17.950.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2021	141.000.012	3.157.995.019	200.000.000	3.498.995.031
Tăng trong năm	47.000.004	327.621.752	-	374.621.756
Khấu hao trong năm	47.000.004	327.621.752	-	374.621.756
Số dư tại 31/12/2021	<u>188.000.016</u>	<u>3.485.616.771</u>	<u>200.000.000</u>	<u>3.873.616.787</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại 01/01/2021	328.999.988	14.122.004.981	-	14.451.004.969
Số dư tại 31/12/2021	<u>281.999.984</u>	<u>13.794.383.229</u>	-	<u>14.076.383.213</u>

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 200.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2020: 200.000.000 đồng).

**5.12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số dư tại 01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư tại 31/12/2021
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	194.830.461.697	712.837.144	-	195.543.298.841
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	193.504.765.270	712.837.144	-	194.217.602.414
- Tài sản khác	1.325.696.427	-	-	1.325.696.427
Giá trị hao mòn lũy kế	24.491.500.899	7.392.172.872	-	31.883.673.771
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	23.165.804.472	7.392.172.872	-	30.557.977.344
- Tài sản khác	1.325.696.427	-	-	1.325.696.427
Giá trị còn lại	170.338.960.798	-	(6.679.335.728)	163.659.625.070
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	170.338.960.798	-	(6.679.335.728)	163.659.625.070

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là nhà văn phòng và một số công trình khác tại Khu đô thị mới Yên Hòa được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

(i) Bao gồm nhóm nhà cửa và vật kiến trúc là các tầng 1 thuộc các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 trong Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 4.727.019.150 VND (Tại ngày 31/12/2020 là 5.040.412.684 VND). Các tài sản này được Tổng Công ty ghi nhận là tài sản của Tổng Công ty trên cơ sở áp dụng Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/08/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án Khu đô thị mới, Khu nhà ở trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Theo đó, Tổng Công ty với tư cách là chủ đầu tư được quản lý, sử dụng toàn bộ tầng 1 nhà chung cư cao tầng để sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ công ích đô thị, phục vụ cho việc quản lý duy trì khu dân cư, có trách nhiệm tổ chức việc quản lý, vận hành khu chung cư theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố. Xem thêm Thuyết minh số 7.1 về cam kết của Tổng Công ty liên quan đến các tài sản này.

Ngoài ra, trong nhóm Nhà cửa, vật kiến trúc này còn bao gồm các tầng tum, tầng hầm và sân tầng 1 thuộc tòa nhà CT3, CT6 trong Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 5.738.932.943 VND (Tại ngày 31/12/2020 là 6.203.030.427 VND). Tổng Công ty đã ghi nhận các tài sản này là các tài sản của Tổng Công ty dựa trên Công văn số 09/BXD-QLN của Bộ Xây dựng ngày 07/01/2013. Tổng Công ty và các cơ quan Nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác đang trong quá trình làm việc để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng liên quan đến các tài sản nêu trên.

**5.13 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Khu nghỉ dưỡng Champa Legend resort and spa	123.059.521.062	123.059.521.062	104.090.463.072	104.090.463.072
<b>Tổng</b>	<b>123.059.521.062</b>	<b>123.059.521.062</b>	<b>104.090.463.072</b>	<b>104.090.463.072</b>
			<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Toà nhà hỗn hợp Constrexim Complex			459.956.622.033	435.953.346.805
Toà nhà Văn phòng và Thương mại Constrexim Plaza			80.319.245.572	75.971.845.674
Công trình thủy điện La Ngâu			54.518.513.374	54.144.307.815
Dự án Toàn nhà Nha Trang Complex			31.661.241.845	28.847.457.119
Công trình Sapa Resort			53.884.013.475	52.090.552.941
Các công trình khác			23.492.800.989	48.296.818.691
<b>Tổng</b>			<b>703.832.437.288</b>	<b>695.304.329.045</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.14 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>298.032.677.016</b>	<b>298.032.677.016</b>	<b>392.254.906.376</b>	<b>392.254.906.376</b>
Phải trả cho các nhà thầu phụ liên quan đến các hợp đồng thầu phụ có điều kiện (*)	132.169.136.742	132.169.136.742	131.186.596.543	131.186.596.543
<i>Công ty Cổ phần</i> <i>Constrexim Meco</i>	33.912.692.794	33.912.692.794	35.890.939.830	35.890.939.830
<i>Các nhà thầu khác</i>	98.256.443.948	98.256.443.948	95.295.656.713	95.295.656.713
Phải trả theo các hợp đồng xây lắp khác	62.701.099.005	62.701.099.005	55.927.736.433	55.927.736.433
Phải trả liên quan đến hoạt động đầu tư dự án	15.194.926.807	15.194.926.807	139.608.553.710	139.608.553.710
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư</i> <i>Việt San (xem thuyết</i> <i>minh số 7.1)</i>	10.737.893.816	10.737.893.816	130.588.515.128	130.588.515.128
<i>Các nhà thầu khác</i>	4.457.032.991	4.457.032.991	9.020.038.582	9.020.038.582
Đối tượng khác	87.967.514.462	87.967.514.462	65.532.019.690	65.532.019.690
<b>Tổng</b>	<b>298.032.677.016</b>	<b>298.032.677.016</b>	<b>392.254.906.376</b>	<b>392.254.906.376</b>
<i>Phải trả người bán là</i> <i>các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>17.659.161.194</i>	<i>17.659.161.194</i>	<i>17.659.161.194</i>	<i>17.659.161.194</i>

**5.15 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>226.007.646.220</b>	<b>150.253.222.287</b>
Tạm ứng từ khách hàng mua bất động sản	126.955.779.560	94.186.759.528
Các hợp đồng xây lắp	42.941.011.427	44.360.948.261
Đối tượng khác	56.110.855.233	11.705.514.498
<b>Tổng</b>	<b>226.007.646.220</b>	<b>150.253.222.287</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.16 Chi phí phải trả**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>243.311.705.872</b>	<b>268.486.130.426</b>
Chi phí xây dựng trích trước cho hợp đồng xây lắp nhà số 1&5 đường Lê Duẩn, thành phố Hồ Chí Minh	30.215.789.354	30.215.789.354
Chi phí phát triển đất, chi phí xây dựng và chi phí bảo dưỡng trích trước cho Dự án Khu Đô thị mới Yên Hòa	17.331.127.738	18.410.666.734
Trích trước giá vốn chuyển nhượng Dự án Tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ (D28)	104.371.163.237	104.770.910.837
Chi phí xây dựng trích trước cho Dự án Tây Hồ Park View	35.255.377.052	41.627.027.257
Trích trước lãi vay phải trả Ông Trần Minh Sơn (i)	8.238.300.000	3.562.333.334
Trích trước chi phí khác	47.899.948.491	69.899.402.910
<b>Dài hạn</b>	<b>138.621.206.603</b>	<b>18.328.404.545</b>
Phải trả tiền thuê đất dự án Khu đô thị mới Yên Hòa	19.401.022.293	17.992.316.485
Trợ cấp thôi việc phải trả	291.614.310	291.614.310
Khoản phải trả Dự án Tòa nhà hỗn hợp Constrexim Complex (A1)	118.928.570.000	-
Trích trước chi phí khác	-	44.473.750
<b>Tổng</b>	<b>381.932.912.475</b>	<b>286.814.534.971</b>

(i) Lãi vay quá hạn phải trả Ông Trần Minh Sơn theo Hợp đồng vay vốn số 02/3/2016/HĐVV ngày 02/3/2016.

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.274.468.522</b>	<b>3.277.286.158</b>
Doanh thu nhận trước về dịch vụ quản lý căn hộ	4.889.094.923	2.586.709.620
Doanh thu nhận trước về dịch vụ cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh	385.373.599	690.576.538
<b>Dài hạn</b>	<b>19.640.423.402</b>	<b>22.818.222.013</b>
Doanh thu nhận trước về dịch vụ quản lý căn hộ của Dự án Pentstudio	19.640.423.402	22.818.222.013
<b>Tổng</b>	<b>24.914.891.924</b>	<b>26.095.508.171</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.18 Phải trả khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>155.549.012.874</b>	<b>144.312.600.322</b>
Kinh phí công đoàn	353.307.435	318.168.731
Bảo hiểm xã hội	403.194.130	550.072.782
Bảo hiểm y tế	77.132.212	187.558.105
Bảo hiểm thất nghiệp	60.021.752	117.169.949
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	452.473.750	1.184.853.745
Các khoản phải trả, phải nộp khác	154.202.883.595	141.954.777.010
<i>Phải trả cổ tức cho các cổ đông</i>	<i>2.224.348.757</i>	<i>2.224.348.757</i>
<i>Phải trả liên quan đến thanh lý hợp đồng thuê</i>	<i>5.231.471.447</i>	<i>5.449.471.447</i>
<i>Phải trả cá nhân để mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>
<i>Kinh phí bảo trì căn hộ của dự án Tây Hồ Park View</i>	<i>16.455.489.211</i>	<i>15.738.042.049</i>
<i>Phải trả lãi tiền vay (i)</i>	<i>43.281.933.335</i>	<i>33.930.000.001</i>
<i>Các khoản phải trả của khách hàng chưa bàn giao căn hộ</i>	<i>44.959.598.436</i>	<i>46.297.127.606</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>40.250.042.409</i>	<i>36.515.787.150</i>
<b>Tổng</b>	<b>155.549.012.874</b>	<b>144.312.600.322</b>

- (i) Phân loại lại khoản chi phí lãi vay phải trả từ khoản mục ‘Chi phí phải trả’, khoản lãi vay trong hạn phải Ông Trần Minh Sơn theo Hợp đồng vay vốn số 02/3/2016/HĐVV ngày 2/3/2016.

**5.19 Dự phòng phải trả**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Dài hạn</b>	<b>32.357.417.391</b>	<b>64.142.901.443</b>
Dự phòng chi phí bảo hành các căn hộ đã bàn giao dự án Pentstudio	32.357.417.391	41.125.094.434
Các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa Tổng Công ty (i)	-	23.017.807.009
<b>Tổng</b>	<b>32.357.417.391</b>	<b>64.142.901.443</b>

- (i) Tổng Công ty hiện đang thực hiện việc hoàn thành hồ sơ quyết toán cổ phần hóa doanh nghiệp để xác định giá trị các khoản phải nộp về quỹ HTSXPTDN do SCIC quản lý theo Văn bản số 714/VPCP-ĐMDN của Văn phòng Chính phủ ngày 28/01/2015 về việc đồng ý để Bộ Xây dựng quyết toán và Bàn giao vốn nhà nước cho Tổng Công ty theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007, Văn bản số 11603/BTC-TCDN do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/8/2013 về việc xử lý khoản chậm nộp về quỹ HTSXPTDN và Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty và các văn bản khác có liên quan. Giá trị các khoản phải nộp nêu trên có thể thay đổi phụ thuộc vào quyết toán của Tổng Công ty và các cơ quan Nhà nước hữu quan.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	214.715.373.633	214.715.373.633	-	57.433.780.518	272.149.154.151	272.149.154.151
Trần Minh Sơn (1)	148.160.000.000	148.160.000.000	-	8.840.000.000	157.000.000.000	157.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long (2)	66.169.373.633	66.169.373.633	-	48.593.780.518	114.763.154.151	114.763.154.151
Các đối tượng khác	386.000.000	386.000.000	-	-	386.000.000	386.000.000
<b>Tổng</b>	<b>214.715.373.633</b>	<b>214.715.373.633</b>	<b>-</b>	<b>57.433.780.518</b>	<b>272.149.154.151</b>	<b>272.149.154.151</b>
<b>Trong đó vay các bên liên quan</b>	<b>66.169.373.633</b>	<b>66.169.373.633</b>	<b>-</b>	<b>48.593.780.518</b>	<b>114.763.154.151</b>	<b>114.763.154.151</b>

(Chi tiết tại thuyết minh 7.3)

**Thông tin cho khoản vay ngắn hạn:**

- Hợp đồng vay vốn số 02/3/2016/HĐVV ngày 02/3/2016. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày giải ngân phân vốn vay đầu tiên. Lãi suất vay được ấn định là 6%/năm và không thay đổi trong suốt thời hạn vay. Tại ngày 31/12/2021, khoản vay và các khoản lãi liên quan phải trả ông Trần Minh Sơn đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty đang trong quá trình đàm phán để gia hạn cho khoản vay trên.
- Hợp đồng cho vay số 01/2016/HĐCV/TL-CTX ngày 01/01/2016. Số tiền cho vay chi tiết theo từng đề nghị vay vốn hoặc giấy nhận nợ. Lãi suất và thời hạn vay theo hợp đồng vay. Hình thức đảm bảo: Tín chấp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.21 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	789.072.760.000	104.636.382	197.936.269.611	14.657.351.432	1.001.771.017.425
Giảm trong năm	-	-	(18.378.172.601)	(1.043.549.230)	(19.421.721.831)
Lỗ trong năm trước	-	-	(18.378.172.601)	(23.549.230)	(18.401.721.831)
Giảm khác	-	-	-	(1.020.000.000)	(1.020.000.000)
Số dư tại 31/12/2020 (Trình bày lại)	789.072.760.000	104.636.382	179.558.097.010	13.613.802.202	982.349.295.594
Số dư tại 01/01/2021	789.072.760.000	104.636.382	179.558.097.010	13.613.802.202	982.349.295.594
Tăng trong năm	-	-	3.072.292.031	182.684.875	3.254.976.906
Tăng khác	-	-	3.072.292.031	182.684.875	3.254.976.906
Giảm trong năm	-	-	(8.547.166.310)	(67.793.208)	(8.614.959.518)
Lỗ trong năm nay	-	-	(8.547.166.310)	(67.793.208)	(8.614.959.518)
Số dư tại 31/12/2021	789.072.760.000	104.636.382	174.083.222.731	13.728.693.869	976.989.312.982

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	789.072.760.000	789.072.760.000
<b>Tổng</b>	<b>789.072.760.000</b>	<b>789.072.760.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	789.072.760.000	789.072.760.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	789.072.760.000	789.072.760.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	78.907.276	78.907.276
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu phổ thông	78.907.276	78.907.276
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu phổ thông	78.907.276	78.907.276
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	18.458.465.556	27.899.750.098
Doanh thu kinh doanh bất động sản	20.250.018.014	59.542.520.051
Doanh thu bán hàng hóa	-	13.363.801.767
Doanh thu cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày	46.298.756.234	38.710.428.531
Doanh thu khác	5.881.664.447	13.021.299.169
<b>Tổng</b>	<b>90.888.904.251</b>	<b>152.537.799.616</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	5.197.232.545	31.936.300.488
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	18.180.930.274	37.404.580.468
Giá vốn bán hàng hóa	-	9.774.141.848
Giá vốn cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày	68.272.046.308	51.113.743.417
Hoàn nhập chi phí trích trước của dự án Khu đô thị mới Yên Hòa và dự án PVI theo quyết toán	-	(19.091.399.666)
Giá vốn khác	10.820.028.384	3.775.697.826
<b>Tổng</b>	<b>102.470.237.511</b>	<b>114.913.064.381</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.125.007.864	16.174.693.553
<b>Tổng</b>	<b>1.125.007.864</b>	<b>16.174.693.553</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	1.909.347.780
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>1.909.347.780</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>19.091.610.288</b>	<b>28.630.922.827</b>
Chi phí nhân viên	13.884.553.646	12.131.242.399
Chi phí khấu hao TSCĐ	(1.180.116.484)	3.681.199.097
Chi phí dự phòng	(1.085.119.342)	(1.591.767.979)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.687.208.169	8.009.233.555
Chi phí bằng tiền khác	3.785.084.299	6.401.015.755
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>2.334.626.208</b>	<b>33.811.514.725</b>
Chi phí nhân viên	-	995.972.942
Chi phí hoa hồng	-	2.363.702.818
Thanh toán tiền thuê căn hộ lease back	-	10.138.807.246
Chi phí dự phòng bảo hành bán căn hộ	1.450.454.771	18.183.226.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.921.901	-
Chi phí khác bằng tiền	629.249.536	2.129.805.121
<b>Tổng</b>	<b>21.426.236.496</b>	<b>62.442.437.552</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn nhập trích lập dự phòng phải trả CPH (Tổng công ty đầu tư và KD vốn Nhà nước)	23.017.807.009	-
Hoàn trích trước dự phòng bảo hành công trình	10.258.200.420	-
Thu nhập khác	16.435.877	1.881.316.320
<b>Tổng</b>	<b>33.292.443.306</b>	<b>1.881.316.320</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt hợp đồng	60.000.000	7.318.411.501
Nộp tiền phạt chậm nộp thuế	4.344.738.462	-
Chi phí khác	118.377.229	2.412.270.106
<b>Tổng</b>	<b>4.523.115.691</b>	<b>9.730.681.607</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>28.769.327.615</b>	<b>(7.849.365.287)</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.501.725.240	-
<b>Tổng</b>	<b>5.501.725.240</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>(8.614.959.517)</b>	<b>(18.401.721.831)</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(8.547.166.310)	(18.378.172.601)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(67.793.207)	(23.549.230)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)</b>	<b>(8.547.166.310)</b>	<b>(18.378.172.601)</b>
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	78.907.276	78.907.276
<b>Lỗ trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(108,32)</b>	<b>(232,91)</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí xây dựng và phát triển bất động sản	62.007.433.471	107.549.083.310
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.917.139.368	3.668.909.634
Chi phí nhân công	12.012.112.606	20.447.231.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.832.861.835	3.681.199.097
Chi phí dự phòng	(947.854.647)	(1.591.767.979)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.208.936.453	24.593.402.700
Chi phí khác bằng tiền	4.718.340.339	11.413.056.708
<b>Tổng</b>	<b>112.748.969.425</b>	<b>169.761.115.316</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Các cam kết và sự kiện tiềm tàng**

**Cam kết bàn giao lại cơ sở hạ tầng cho thành phố**

Theo Công văn số 985/UB-NNĐC do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 31/3/2004, diện tích tầng 1 các tòa cao tầng trong khu đô thị mới Yên Hòa do Nhà nước thống nhất quản lý và Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao diện tích tầng 1 này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan chức năng để xử lý các nội dung này.

**Cam kết thuê hoạt động**

Tổng Công ty đang thuê một số lô đất tại quận Cầu Giấy, Hà Nội theo hợp đồng ký năm 2016 để tái đầu tư các dự án Bất động sản, với thời hạn thuê là 50 năm. Các khoản tiền thuê đất ước tính phải trả trong tương lai của Tổng Công ty vào cuối năm.

Tổng Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động với Công ty TNHH MTV Quản lý Bất động sản Constrexim, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

**Các tài sản thuộc Khu đô thị Yên Hòa**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với một số tài sản thuộc tòa nhà CT3 và CT6 trong khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa. Tổng Công ty tin tưởng rằng kết quả cuối cùng của các cơ quan nhà nước hữu quan sẽ có lợi cho Tổng Công ty nên Tổng Công ty tiếp tục ghi nhận các tài sản này là tài sản của Tổng Công ty trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7.1 Các cam kết và sự kiện tiềm tàng (Tiếp theo)****Nợ tiềm tàng liên quan đến khoản nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San**

Các khoản chi phí phải trả Dự án Toà nhà hôn hợp Constrexim complex (A1) - Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San, được trình bày tại Thuyết minh số 5.14 có kỳ hạn thanh toán thành một số đợt với khoản phải trả cuối cùng có kỳ hạn trả không muộn hơn 30/12/2017. Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San đã tạm dừng hoạt động và Tổng Công ty đang trong quá trình liên hệ và làm việc để gia hạn thời hạn thanh toán cho khoản phải trả này. Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản lãi tính trên số nợ quá hạn do Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá sẽ đạt được thỏa thuận gia hạn cho khoản phải trả này.

**7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo Bản án số 419/2022/DSPT ngày 17/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 413/QĐ-CCTHADS ngày 28/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội v/v: (i) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Minh Sơn về việc tranh chấp Hợp đồng tài sản với Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam; (ii) Buộc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam phải thanh toán trả Ông Trần Minh Sơn số tiền 199.101.107.533 đồng (bao gồm số tiền nợ gốc 148.160.000.000 đồng và 50.941.107.533 đồng tiền lãi tính đến ngày 30/12/2021).

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**7.3 Thông tin về các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH CTX số 1	Công ty con
Công ty TNHH Apas Hospitality	Công ty con
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Constrexim	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Indochina	Công ty con
Công ty CP Địa ốc Sum Lâm	Công ty con
Công ty CP Thủy điện La Ngâu	Công ty con
Công ty CP Ocean View Nha Trang	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con
Công ty TNHH CTX Số 2	Công ty con
Công ty CP Constrexim Đức Tân Long	Công ty liên kết
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	Công ty liên kết
Công ty CP Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết
Công ty CP ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	Công ty liên kết
Công ty CP ĐTXD Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết
Công ty CP xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Ban Kiểm soát tham gia điều hành quản lý Tổng Công ty trong năm (chi tiết tại báo cáo Ban Tổng Giám đốc trang 2-3 của Báo cáo tài chính) và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này.	Có ảnh hưởng đáng kể

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY****DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Bên liên quan	Chức danh	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>Thù lao</b>	<b>204.000.000</b>	<b>204.000.000</b>
Phan Minh Tuấn	Chủ tịch	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Hưng	Thành viên HĐQT độc lập	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Trần Khanh	Thành viên HĐQT độc lập	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Chu Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Lý Quốc Hùng	Ủy viên	Thù lao	36.000.000	36.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>Thù lao</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
Lý Văn Khả	Trưởng BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Trần Anh Tú	Thành viên BKS	Thù lao	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên BKS	Thù lao	12.000.000	12.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>Lương</b>	<b>471.000.000</b>	<b>538.292.000</b>
Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Lương	388.152.000	361.000.000
Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Lương	364.352.000	340.000.000
Đỗ Tường Hải	Phó Tổng Giám đốc	Lương	94.773.000	60.000.000
Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng Giám đốc	Lương	320.552.000	181.000.000
<b>Tổng</b>			<b>735.000.000</b>	<b>802.292.000</b>

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vay</b>			<b>58.299.418.451</b>	<b>201.450.253.246</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Vay	-	60.400.346.164
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Trả nợ vay	48.593.780.518	93.214.930.001
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Chi phí lãi vay	9.705.637.933	47.834.977.081

**c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			<b>8.138.601.964</b>	<b>8.138.601.964</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cấu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Vật liệu xây dựng mua hộ	7.219.076.093	7.219.076.093
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.876.159	26.876.159
Công ty Cổ phần Constrexim Đức Tân Long	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	892.649.712	892.649.712

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY****DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c.Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>			<b>18.195.602.736</b>	<b>18.195.602.736</b>
Lý Quốc Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	Phải thu tạm ứng	13.654.285.000	13.654.285.000
CTCP Đầu tư và Quản lý BĐS Thăng Long	Cổ đông lớn	Phải thu trả hộ	2.020.000.000	2.020.000.000
Đào Ngọc Sáng	Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Phải thu tạm ứng	1.923.817.736	1.923.817.736
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô		Phải thu ngắn hạn khác	597.500.000	597.500.000
<b>Trả trước cho người bán</b>			<b>19.089.938.872</b>	<b>19.089.938.872</b>
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	86.506.389	86.506.389
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	4.543.730.615	4.543.730.615
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	7.544.509.825	7.544.509.825
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	557.758.267	557.758.267
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	1.173.304.065	1.173.304.065
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	5.184.129.711	5.184.129.711
<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>Phải trả người bán</b>			<b>17.659.161.194</b>	<b>17.659.161.194</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả người bán	4.261.111.301	4.261.111.301
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết	Phải trả người bán	818.336.344	818.336.344
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết	Phải trả người bán	1.840.140.177	1.840.140.177
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Phải trả người bán	10.058.328.128	10.058.328.128
Các bên liên quan khác	Công ty liên kết	Phải trả người bán	681.245.244	681.245.244
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Constrexim (ICC)	Công ty liên kết	Phải trả người bán	19.970.000	19.970.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sàn xuất Cấu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Phải trả người bán	661.275.244	661.275.244

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY  
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2021 VND</u>	<u>01/01/2021 VND</u>
Người mua trả tiền trước			1.302.505.673	1.302.505.673
Công ty Cổ phần XL và SX cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Tạm ứng theo hợp đồng xây dựng	1.302.505.673	1.302.505.673
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			<b>5.522.233.443</b>	<b>4.022.814.992</b>
Phan Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác	30.000.000	30.000.000
Trần Anh Tú	Thành viên Ban Kiểm soát	Phải trả do chấm dứt hợp đồng mua bán căn hộ	3.081.130.240	3.081.130.240
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Lãi vay	2.411.103.203	911.684.752
<b>Vay và nợ</b>			<b>66.169.373.633</b>	<b>114.763.154.151</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Vay	66.169.373.633	114.763.154.151



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7.4 Báo cáo bộ phận**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Chuyển nhượng bất động sản, Hợp đồng xây dựng, Hoạt động khách sạn, dịch vụ lưu trú ngắn ngày và Cung cấp hàng hóa và dịch vụ và hoạt động khác. Đây là các bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tài sản sinh lời của Tổng Công ty và các Công ty con bị tác động chủ yếu bởi các khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty và các Công ty con cung cấp.

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

*Đơn vị tính: VND*

DOANH THU	Chuyển nhượng bất động sản		Hợp đồng xây dựng dịch vụ lưu trú ngắn ngày		Hoạt động khách sạn, Cung cấp hàng hóa và dịch vụ và hoạt động khác		Tổng
Tổng doanh thu	59.542.520.051	77.827.069.537	38.710.428.531	46.960.923.837	(70.503.142.340)	152.537.799.616	
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>59.542.520.051</b>	<b>77.827.069.537</b>	<b>38.710.428.531</b>	<b>46.960.923.837</b>	<b>(70.503.142.340)</b>	<b>152.537.799.616</b>	
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>							
Kết quả bộ phận	29.055.258.455	(31.036.414.878)	(41.153.087.573)	(106.126.883)	24.838.649.048	(18.401.721.831)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	
<b>Lợi nhuận trong năm</b>	<b>29.055.258.455</b>	<b>(31.036.414.878)</b>	<b>(41.153.087.573)</b>	<b>(106.126.883)</b>	<b>24.838.649.048</b>	<b>(18.401.721.831)</b>	

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

DOANH THU	Xây lắp và hoạt động khác		kinh doanh BĐS		Đầu tư, Doanh thu dịch vụ		Doanh thu khác		Tổng
Tổng doanh thu	18.458.465.556	20.250.018.014	46.298.756.234	5.881.664.447	90.888.904.251				
Giá vốn hàng bán	5.197.232.545	18.180.930.274	68.272.046.308	10.820.028.384	102.470.237.511				
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>13.261.233.011</b>	<b>2.069.087.740</b>	<b>(21.973.290.074)</b>	<b>(4.938.363.937)</b>	<b>(11.581.333.260)</b>				
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>									
Kết quả bộ phận	13.261.233.011	2.069.087.740	(21.973.290.074)	(4.938.363.937)	(11.581.333.260)				
Lãi tiền gửi					1.125.007.864				
Chi phí bán hàng					(2.334.626.208)				
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(19.091.610.288)				
Thu nhập khác					33.292.443.306				
Chi phí khác					(4.523.115.691)				
<b>Lợi nhuận trong năm</b>	<b>13.261.233.011</b>	<b>2.069.087.740</b>	<b>(21.973.290.074)</b>	<b>(4.938.363.937)</b>	<b>(3.113.234.277)</b>				

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7.5 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được trình bày lại theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

Theo Biên bản thanh tra thuế ngày 30/12/2020 và Quyết định số 3879/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC ngày 29/01/2021 của Cục Thuế thành phố Hà Nội, Tổng Công ty phát sinh số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng dự án BDS D28 số tiền là 3.140.085.238 đồng. Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố tăng số thuế phải nộp trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của năm 2020 cụ thể như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020**

Chỉ tiêu	Số dư tại	Số dư tại	Chênh lệch
	31/12/2020	31/12/2020	
	Trình bày lại	Đã trình bày	
	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.969.000.300	7.828.915.062	3.140.085.238
Lợi nhuận chưa phân phối	197.936.269.611	201.076.354.849	(3.140.085.238)
Cộng thay đổi Nguồn vốn			-

Người lập/Kế toán trưởng

**Đỗ Quốc Việt**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023  
Trưởng phòng Tài chính-kế toán



**Hoàng Thị Hương Lan**